

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Điện Biên, ngày 10 tháng 5 năm 2023*

**THÔNG BÁO**

**Xét duyệt (thẩm định) quyết toán ngân sách năm 2022**

**Đơn vị được thông báo: Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà - huyện Điện Biên**

**Mã chương: 622, Loại 070, Khoản 073.**

Căn cứ thông tư số 137/2017/TT - BTC ngày 25/12/2017 của Bộ tài Chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà và biên bản xét duyệt/thẩm định quyết toán ngày 29/03/2023 giữa Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên và Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà;

Hôm nay, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà như sau:

**I. Phần số liệu:**

**1. Số liệu quyết toán:**

a. Thu học phí:

- Số dư năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Tổng số thu trong năm: 78.810.000 đồng
- Tổng số chi trong năm: 47.286.000 đồng
- Số chấp nhập quyết toán: 47.286.000 đồng
- Số xuất toán: 0 đồng
- Số tồn để lại chuyển năm sau: 31.524.000 đồng

b. Quyết toán chi ngân sách:

\* *Ngân sách:*

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng.
- Dự toán được giao trong năm: 11.134.742.883 đồng.
- Số kinh phí thực nhận trong năm: 11.083.874.459 đồng.
- Số kinh phí quyết toán: 11.083.326.320 đồng.
- Số xuất toán nộp NSNN: 548.139 đồng
- Số kinh phí giảm trong năm: 0 đồng.
- Số dư KP được phép chuyển sang năm sau sử dụng và QT: 50.868.424 đồng.
- Số kinh phí tạm ứng đã sử dụng chuyển sang năm sau quyết toán: 0 đồng.



**\* Tài trợ, viện trợ đã ghi thu, ghi chi:**

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Số đã ghi thu, ghi chi trong năm: 0 đồng
- Số kinh phí được sử dụng trong năm: 0 đồng
- Tổng số kinh phí quyết toán: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau: 0 đồng.

(Số liệu chi tiết theo phụ lục số 2c đính kèm)

**2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:**

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng.

**3. Thuyết minh số liệu quyết toán: Không**

**II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 0 đồng
- + Sử dụng kinh phí tiết kiệm: 0 đồng
- + Trích lập các quỹ: 0 đồng.
- + Kinh phí cải cách tiền lương: 0 đồng.

**III. Nhận xét và kiến nghị:**

**1. Nhận xét:**

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán: Đơn vị thực hiện nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo đúng thời gian quy định.

- Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đơn vị đã lập và gửi báo cáo lên đơn vị dự toán cấp trên theo đúng biểu mẫu quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

- Về sổ kế toán: Đơn vị đã thực hiện mở đầy đủ các loại sổ kế toán như: Sổ cái các tài khoản S03H, sổ cái mục lục ngân sách, sổ nhật ký chung, sổ chi tiết chi phí, sổ theo dõi dự toán, sổ quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi ngân hàng,....., bảo quản, lưu trữ sổ kế toán để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh tại đơn vị theo đúng quy định của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hiện hành. tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán đầy đủ vào sổ sách. Chứng từ kế toán đầy đủ.

- Về chấp hành các quy định của nhà nước:

+ Quyết toán ngân sách: Đơn vị cập nhật đầy đủ các loại báo cáo cho cơ quan Tài chính như: Sổ TSCĐ, sổ theo dõi CCDC, báo cáo quyết toán năm. Số liệu trong báo cáo quyết toán rõ ràng, chính xác, các loại mẫu biểu của quyết toán đúng với quy định của Luật ngân sách Nhà nước ban hành.

+ Thực hiện quản lý tài sản: Đơn vị đã thực hiện chế độ quản lý và sử dụng tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành. cuối năm đơn vị đã thực hiện kiểm kê, đối chiếu sổ sách với tài sản hiện có đảm bảo khớp đúng.

+ Chế độ thu, quản lý sử dụng nguồn thu: Thực hiện các khoản thu theo quy định của cấp có thẩm quyền, học phí thu được thực hiện nộp qua tài khoản mở tại kho bạc nhà nước đầy đủ; chi tiêu đảm bảo đúng theo quy định.

- Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính: không

- Về chứng từ kế toán: Chứng từ được sắp xếp theo đúng trình tự thời gian phát sinh nghiệp vụ, chứng từ thanh toán đúng theo biểu mẫu theo thông tư chế độ kế toán 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

**\* Các tồn tại và hạn chế trong năm 2022:**

## **2. Kiến nghị:**

- Trên đây là thông báo xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà - huyện Điện Biên. Đề nghị đơn vị phát huy những ưu điểm đã đạt được và khắc phục những tồn tại đã nêu trên trong năm 2023, để làm tốt công tác tài chính kế toán trong những năm tiếp theo.

### **Nơi nhận:**

Đơn vị: Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà -  
huyện Điện Biên;

Lưu: VT, KT;

**TRƯỞNG PHÒNG  
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**Đặng Quang Huy**



# SỐ LIỆU XÉT DUYỆT (HOẶC THẨM ĐỊNH) QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt (hoặc thẩm định) quyết toán số .../... ngày .../.../...)

**Đơn vị: Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà**  
**Chương: 622**

**Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:**

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà			Đơn vị tính: Đồng
		Tổng số	Loại 070		
			Tổng loại 070	Khoản 073	
A	B	1	2	3	
	<b>NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>				
	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC</b>				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)				
2	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)				
3	- Kinh phí đã nhận				
4	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
5	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)				
6	- Kinh phí đã nhận				
7	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
8	<b>Dự toán được giao trong năm (08=09+10)</b>	<b>11.134.742.883</b>	<b>11.134.742.883</b>	<b>11.134.742.883</b>	
9	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	8.050.549.883	8.050.549.883	8.050.549.883	
10	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	3.084.193.000	3.084.193.000	3.084.193.000	
11	<b>Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)</b>	<b>11.134.742.883</b>	<b>11.134.742.883</b>	<b>11.134.742.883</b>	
12	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)	8.050.549.883	8.050.549.883	8.050.549.883	
13	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)	3.084.193.000	3.084.193.000	3.084.193.000	
14	<b>Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)</b>	<b>11.083.874.459</b>	<b>11.083.874.459</b>	<b>11.083.874.459</b>	
15	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	7.999.681.459	7.999.681.459	7.999.681.459	
16	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	3.084.193.000	3.084.193.000	3.084.193.000	
17	<b>Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)</b>	<b>11.083.326.320</b>	<b>11.083.326.320</b>	<b>11.083.326.320</b>	



Chi tiêu	Nội dung	Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà			
		Tổng số	Loại 070		Khoản 073
			Tổng loại 070		
A	B	I	2	3	
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chi	7.999.133.320	7.999.133.320	7.999.133.320	
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chi	3.084.193.000	3.084.193.000	3.084.193.000	
20	<b>Kinh phí giam trong năm (20=21+25)</b>	<b>548.139</b>	<b>548.139</b>	<b>548.139</b>	
21	Kinh phí thường xuyên/tự chi (21= 22+23+24)	548.139	548.139	548.139	
22	- Đã nộp NSNN				
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)	548.139	548.139	548.139	
24	- Dự toán bị hủy (24=04+09-15-32)				
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chi (25=26+27+28)				
26	- Đã nộp NSNN				
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)				
28	- Dự toán bị hủy (28=07+10-16-35)				
29	<b>Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)</b>	<b>50.868.424</b>	<b>50.868.424</b>	<b>50.868.424</b>	
30	Kinh phí thường xuyên/tự chi (30=31+32)	50.868.424	50.868.424	50.868.424	
31	- Kinh phí đã nhận				
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	50.868.424	50.868.424	50.868.424	
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chi (33=34+35)				
34	- Kinh phí đã nhận				
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc				
	<b>NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ</b>				
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang				
37	Dự toán được giao trong năm				
38	<b>Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)</b>				
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng				
40	- Số đã ghi thu, ghi chi				
41	<b>Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)</b>				
42	<b>Kinh phí đề nghị quyết toán</b>				
43	<b>Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)</b>				
	<b>NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI</b>				
44	<b>Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)</b>				
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng				
46	- Số dự toán				



Chi tiêu	Nội dung	Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà		
		Tổng số	Loại 070	
			Tổng loại 070	Khoản 073
A	B	1	2	3
47	Dự toán được giao trong năm			
48	Tổng số được sử dụng trong năm (48=44+47)			
49	Tổng kinh phí đã vay trong năm (49=50+51)			
50	- Số đã ghi vay, ghi tạm ứng NSNN			
51	- Số đã ghi vay, ghi chi NSNN			
52	Kinh phí đơn vị đã sử dụng để nghị quyết toán			
53	Kinh phí giảm trong năm (53=54+55+56)			
54	- Đã nộp NSNN			
55	- Còn phải nộp NSNN (55=45+49-52-54-58)			
56	- Dự toán bị hủy (56=46+47-49-59)			
57	Kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (57=58+59)			
58	- Kinh phí đã ghi tạm ứng			
59	- Số dự toán			
60	Số đã giải ngân, rút vốn chưa hạch toán NSNN			
	<b>NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỀ LẠI</b>			
61	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (61=62+63)			
62	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			
63	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
64	Dự toán được giao trong năm (64=65+66)			
65	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			
66	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
67	Số thu được trong năm (67=68+69)			
68	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			
69	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
70	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (70=71+72)			
71	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (71=62+68)			
72	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (72=63+69)			
73	Số kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán (73=74+75)			
74	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			
75	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
76	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (76=77+78)			



Chỉ tiêu	Nội dung	Trường PTDTBT THCS xã Mường Nhà		
		Tổng số	Loại 070	
			Tổng loại 070	Khoản 073
A	B	1	2	3
77	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (77=71-74)			
78	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (78=72-75)			
	<b>NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỀ LẠI</b>			
79	Số dư kinh phí chưa sử dụng năm trước chuyển sang (79=80+81)			
80	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			
81	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
82	Dự toán được giao trong năm (82=83+84)			
83	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ			
84	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
85	Số thu được trong năm (85=86+87)	78.810.000	78.810.000	78.810.000
86	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	78.810.000	78.810.000	78.810.000
87	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
88	Tổng số kinh phí được sử dụng trong năm (88=89+90)	78.810.000	78.810.000	78.810.000
89	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (89=80+86)	78.810.000	78.810.000	78.810.000
90	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (90=81+87)			
91	Số kinh phí đã sử dụng để nghị quyết toán (91=92+93)	47.286.000	47.286.000	47.286.000
92	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	47.286.000	47.286.000	47.286.000
93	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ			
94	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán. (94=95+96)	31.524.000	31.524.000	31.524.000
95	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (95=89-92)	31.524.000	31.524.000	31.524.000
96	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (96=90-93)			

Lập, ngày ... tháng ... năm ...



**Đặng Quang Huy**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ và tên)

**Đỗ Tiến Đạt**